TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1223/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2019
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bảo Hồng

2. Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1992; Địa chỉ: 68/26 đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: D4/123/9B ấp 4, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh Huân, sinh năm: 1991; Địa chỉ: 68/26 đường P, Phường M, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 04 tháng 3 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Minh H chung sống vợ chồng từ năm 2016, đăng ký kết hôn số

26 ngày 22/3/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo trích lục kết hôn số 86/TLKH-BS ngày 25/02/2019. Cuộc sống chung không hạnh phúc là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, ông H không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng khó có thể hàn gắn, bà và ông H đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bản thân bà T không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 14/02/2016 ngoài ra không có con chung nào khác. Bà Nguyễn Thị Kim T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông Huân đến do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Trích lục kết hôn số 86/TLKH-BS ngày 25/02/2019 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/02/2019 cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Minh H; Trích lục khai sinh số 127/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/02/2019 mang tên Nguyễn Gia H1; Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ

hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Minh H chung sống vợ chồng từ năm 2016, đăng ký kết hôn số 26 ngày 22/3/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo trích lục kết hôn số 86/TLKH-BS ngày 25/02/2019 nên xác đinh đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét việc Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Minh H đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T nhưng ông H không đến. Chứng tỏ ông H thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn của vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung của vợ chồng; Nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Tòa án xem xét giải quyết ly hôn.

[5] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với ông Nguyễn Minh H do bất đồng quan điểm, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng khó có thể hàn gắn. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng bà T và ông H vẫn sống ly thân, bỏ mặc nhau. Xét thấy bà T và ông H không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét về con chung, bà T khai trong thời gian chung sống bà T và ông H có 01 con chung tên là Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 14/02/2016 ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà T là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Quyết định giao con chung tên là Nguyễn Gia H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không có yêu cầu nên không xét đến.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[8] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim Tiền phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: 01 con chung tên là Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 14/02/2016 ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Gia H1. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không có yêu cầu nên không xét đến.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0019203 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Nguyễn Thị Kim Tđã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P1 Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA